TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 171/2020/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 161/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông N T D, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 8, đường ĐX , phường T A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Bà N T P L, sinh năm 1990, địa chỉ: Khu phố 8, đường ĐX , phường T A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, ông D và bà L nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Các bên đều cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Do đó, đơn yêu cầu được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông D và bà L chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, ngày 22/4/2013. Hôn nhân và hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, các bên thừa nhận phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà N T P L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N H T A , sinh ngày 24/5/2013, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy ông D và bà L đã thực sự tự nguyện ly hôn. Sự thỏa thuận đó là tự nguyện, phù hợp các quy định pháp luật. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chấp nhận đơn yêu cầu của các bên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà N T P L và ông N T D.

- Về con chung: Giao bà N T P L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N Hoàng T A, sinh ngày 24/5/2013, ông N T D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà P và ông D đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà N T P L và ông N T D mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số AA/2016/0041876 ngày 25/5/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Uỷ ban nhân dân phường T A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Quý